

DUAL GOLD 960EC

Phiên bản 09

Ngày cập nhật: 23.11.2010

MỤC 1. XÁC ĐỊNH SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY SẢN XUẤT**1.1. Tên sản phẩm**

- Tên sản phẩm : DUAL GOLD 960 EC
- Mã thiết kế : A9396B

1.2. Sử dụng có liên quan xác định các chất hoặc hỗn hợp và sử dụng nên chống lại

Công dụng : Thuốc trừ cỏ

Thông tin chi tiết của nhà cung cấp về bảng dữ liệu an toàn

Công ty : Công ty Syngenta Thụy Sĩ
 Postfach, CH-4002 Basel, Thụy Sĩ

Điện thoại : +41 61 323 11 11
 Telefax : +41 61 323 12 12
 Địa chỉ E-mail : sds.ch @ syngenta.com

1.3. Số điện thoại khẩn cấp**Điện thoại khẩn cấp số:** +44 1484 538444**MỤC 2. XÁC ĐỊNH MỐI NGUY**

Có thể gây ra kích ứng khi tiếp xúc với da

Có độc cho sinh vật dưới nước, có thể gây tác dụng phụ lâu dài trong môi trường nước.

MỤC 3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CẤU TẠO

Hỗn hợp

Thành phần nguy hại:

Tên hóa học	CAS-No. EC-No. Số đăng ký	Biểu tượng	Cụm từ R	Độ đậm đặc
S-metolachlor	87392-12-9	Xi , N	R43 R50/53	87,27% W/W

Giới hạn phơi nhiễm hóa chất ở nơi làm việc

Đối với các văn bản đầy đủ của cụm từ - R nêu tại mục này, xem Mục 16.

MỤC 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU**4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu**

Lời khuyên chung : Dem theo bao bì chứa sản phẩm , nhãn hoặc tờ thông tin an toàn sản phẩm khi bạn gọi đến số điện thoại khẩn cấp của Syngenta, trung tâm kiểm soát ngộ độc hoặc đến chữa trị.

DUAL GOLD 960EC

Phiên bản 09

Ngày cập nhật: 23.11.2010



Hít phải	:	Mang người bị nạn đặt ở nơi thoáng khí. Nếu khó thở hoặc ngưng thở thì phải tiến hành hô hấp nhân tạo. Giữ ấm cho nạn nhân và nghỉ ngơi. Lập tức gọi bác sỹ hoặc trung tâm kiểm soát ngộ độc
Tiếp xúc với da	:	Cởi bỏ áo quần bị dính thuốc ngay lập tức. Rửa chỗ bị dính thuốc bằng nhiều nước sạch. Nếu da bị sưng tấy, rát, gọi cho bác sỹ. Giặt áo quần bị dính thuốc thật sạch trước khi dùng lại.
Tiếp xúc với mắt	:	Lập tức rửa mắt bị dính thuốc bằng thật nhiều nước sạch, ngay cả bên dưới mí mắt ít nhất trong 15 phút. Loại bỏ kính sát trùng. Chữa trị y khoa ngay khi có yêu cầu
Nuốt phải	:	Nếu nuốt phải, lập tức tìm hướng dẫn chữa trị y khoa ngay trên nhãn chai. Không được nôn mửa.

4.2. Triệu chứng quan trọng nhất và hiệu ứng, gồm cấp tính và lâu dài

Triệu chứng : không có

4.3. Chỉ định y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

Tư vấn y tế : không có cách chữa trị cụ thể
Điều trị theo triệu chứng.

MỤC 5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

5.1 Phương tiện chữa cháy

- Đối với đám cháy nhỏ: Sử dụng bình phun nước, bột chống cồn, hóa chất khô hoặc khí CO₂.
- Đối với đám cháy lớn: Sử dụng xốp chống cồn hoặc Phun nước

Không dùng vòi nước xịt trực tiếp vào đám cháy để tránh làm phát tán và gây cháy lan.

5.2 Đặc biệt nguy hiểm phát sinh từ các chất hoặc hỗn hợp

Do thuốc bao gồm thành phần hữu cơ dễ cháy, đám cháy sinh ra khói đen chứa hơi độc (xem mục 10).

Tiếp xúc với các sản phẩm bị phân hủy này có thể nguy hại đến sức khỏe

5.3 Tư vấn cho nhân viên cứu hỏa

Mang đầy đủ quần áo bảo hộ kín và dụng cụ thở.

Không được chạy ra từ đám cháy và nhảy xuống ruộng hoặc dòng nước.

Làm mát các thùng chứa đầy kín tiếp xúc với đám cháy bằng nước phun sương.

MỤC 6. BIỆN PHÁP XỬ LÝ SỰ CỐ

6.1. Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và thủ tục khẩn cấp

Hãy tham khảo các biện pháp bảo vệ liệt kê trong mục 7 và 8.

DUAL GOLD 960EC

Phiên bản 09

Ngày cập nhật: 23.11.2010

6.2. Ngăn ngừa về môi trường

Ngăn ngừa trước sự rò rỉ hoặc đổ thuốc.

Không đổ thuốc vào hệ thống nước mặt hoặc cống rãnh

6.3. Các phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

Ngăn chặn sự đổ thuốc và thu gom bằng vật liệu thấm hút không cháy (cát, đất, đất sét, đất khoáng) và cho vào thùng chứa để hủy theo quy định (xem mục 13).

Nếu thuốc bị chảy ra sông, hồ hoặc ruộng nước phải thông báo với chính quyền sở tại.

MỤC 7. XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ**7.1 Phòng ngừa để xử lý an toàn**

Không có biện pháp bảo vệ dành riêng cho yêu cầu về chống cháy

Tránh tiếp xúc với da và mắt.

Khi sử dụng không ăn, uống hoặc hút thuốc.

Đề bảo vệ cá nhân, xem mục 8.

7.2. Điều kiện để lưu trữ an toàn, bao gồm các điều kiện không tương thích

Không có điều kiện bảo quản đặc biệt.

Giữ các thùng chứa đầy kín ở một nơi khô ráo, mát, thông thoáng.

Để xa tầm tay trẻ em.

Giữ xa nguồn thực phẩm, đồ uống và thức ăn cho gia súc.

Tính chất vật lý và hóa học ổn định cho ít nhất 2 năm khi được lưu trữ trong tình trạng đóng gói nguyên vẹn ở nhiệt độ môi trường.

MỤC 8. KIỂM SOÁT PHOI NHIỄM VÀ BẢO VỆ CÁ NHÂN**8.1 Kiểm soát các thông số**

Thành phần	Giới hạn phơi nhiễm	Loại giới hạn phơi nhiễm	Nguồn
S-metolachlor	10 mg/m ³	8 h TWA	Syngenta

8.2. Kiểm soát phơi nhiễm

Biện pháp kỹ thuật : Việc ngăn chặn và/hoặc cách ly là biện pháp bảo vệ kỹ thuật đáng tin cậy nhất nếu không thể loại bỏ được sự phơi nhiễm. Việc kéo dài những biện pháp bảo vệ này phụ thuộc vào môi nguy thực sự trong quá trình sử dụng. Nếu sương hoặc hơi thuốc bay ra, dùng biện pháp kiểm soát thông gió.

Đánh giá sự phơi nhiễm và sử dụng bất cứ biện pháp phụ trợ nào để giữ mức hơi sương dưới mức phơi nhiễm tương ứng. Khi cần thiết, tìm thêm thông tin về bảo vệ vệ sinh nghề nghiệp

DUAL GOLD 960EC

Phiên bản 09

Ngày cập nhật: 23.11.2010



-
- Biện pháp bảo vệ** : Việc dùng các biện pháp kỹ thuật nên luôn được ưu tiên hơn so với việc sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân. Khi lựa chọn trang thiết bị bảo vệ cá nhân, nên tìm lời khuyên chuyên nghiệp phù hợp. Phương tiện bảo vệ cá nhân nên được xác nhận theo tiêu chuẩn phù hợp
- Bảo vệ cơ quan hô hấp** : Một sự kết hợp của các mặt nạ phòng độc sử dụng cho khí, hơi và hạt hóa chất có thể là cần thiết cho đến khi các biện pháp kỹ thuật hiệu quả được thực hiện.
- Mặt nạ bảo hộ làm sạch không khí bị hạn chế.
- Sử dụng máy hô hấp khép kín trong các trường hợp sự cố tràn khẩn cấp, khi mức độ phơi nhiễm là không rõ, hoặc trong bất kỳ trường hợp nào mà mặt nạ lọc khí không có thể cung cấp sự bảo vệ đầy đủ.
- Bảo vệ tay** : Nên sử dụng găng tay chống hoá chất. Chọn găng tay dựa vào yêu cầu công việc cơ học.
- Găng tay nên được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn.
- Găng tay nên có thời gian thử nghiệm tối thiểu để phù hợp với sự tiếp xúc lâu dài.
- Thời gian sử dụng của găng tay thay đổi tùy theo độ dày, vật liệu và nhà sản xuất.
- Găng tay nên được bỏ đi và thay thế nếu có bất kỳ dấu hiệu của hóa chất ngấm vào.
- Chất liệu phù hợp.
- Cao su Nitrile.
- Bảo vệ mắt** : Không yêu cầu bảo hộ mắt.
- Tuân thủ theo qui định về bảo vệ mắt ở khu vực làm việc
- Bảo vệ da và cơ thể** : Đánh giá độ phơi sáng và chọn quần áo chống hóa chất dựa trên khả năng tiếp xúc và các đặc tính thấm thấu/ xâm nhập của vật liệu quần áo.
- Rửa bằng xà phòng và nước sau khi thay quần áo bảo hộ.
- Khử nhiễm quần áo trước khi sử dụng lại hoặc sử dụng các thiết bị dùng một lần (bộ quần áo, tạp dề, tay áo, giày ống...)
- Mặc phù hợp: không thấm nước bảo vệ bộ đồ.

MỤC 9. TÍNH CHẤT HOÁ LÝ

9.1. Thông tin về đặc tính vật lý và hóa học cơ bản

- Tình trạng vật lý : chất lỏng
- Dạng : chất lỏng

DUAL GOLD 960EC

Phiên bản 09

Ngày cập nhật: 23.11.2010

Màu sắc	:	màu vàng tới nâu
Mùi	:	Không đặc trưng, yếu.
pH	:	5,2 tại 1% w/v
Điểm cháy	:	120°C ở 1.013,25 hPa DIN 51758.
Tính oxy hóa	:	không oxy hóa
Tính nổ	:	Không nổ
Tỷ trọng	:	1,104 g/cm ³
Hòa trộn	:	có thể phối trộn
Độ nhớt, năng động	:	110,7 mPa.s ở 20°C. 34,98 mPa.s ở 40°C.
Sức căng bề mặt	:	32,3 – 32,4 mN/m ở 20°C

MỤC 10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ TÍNH PHẢN ỨNG

Sản phẩm phân hủy độc hại: quá trình đốt cháy hoặc phân hủy bằng nhiệt sẽ tạo ra khí độc và dị ứng.

Phản ứng nguy hại: Chưa biết

Phản ứng trùng hợp không xảy ra.

Ổn định trong các điều kiện bình thường.

PHẦN 11. THÔNG TIN VỀ SỰ ĐỘC HẠI**11.1. Thông tin về tác dụng độc tính**

Độc cấp tính qua đường miệng	:	LD50 chuột là 2.267 mg/kg
Độc cấp tính qua đường hô hấp	:	LD50 chuột là 4,06 mg/l, 4h
Nhiễm độc cấp tính qua da	:	LD50 thỏ là 2,020 mg/kg
Ăn mòn da/dị ứng	:	thỏ: không gây kích ứng
Dị ứng mắt	:	Thỏ: không gây kích ứng
Hô hấp hoặc da nhạy cảm	:	Chuột lang: gây kích ứng da
Độc hại lâu dài/ S-metolachlor	:	không hiển thị các hiệu ứng gây ung thư, dị tật hoặc đột biến trong các thí nghiệm động vật.

MỤC 12. THÔNG TIN SINH THÁI**12.1. Tính di động trong đất**

S-metolachlor : Có tính di động trung bình trong đất.

12.2. Sự tích tụ sinh học

S-metolachlor : Có tiềm năng tích lũy.

12.3. Độc tính

Độc tính đối với cá : LC50 Salmo trutta (cá hồi), 4,3 mg/l trong 96h.

DUAL GOLD 960EC

Phiên bản 09

Ngày cập nhật: 23.11.2010

Độc tính đối với động vật thủy sinh	:	EC50 Daphnia magna (bọ nước), 24 mg / l, 48 h
Độc tính đối với cây thủy sinh	:	EbC50 Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục) 33Hg/l, 72h.
		ErC50 Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục) 72Hg/l, 72h

MỤC 13. PHÂN HỦY

13.1. Phương pháp xử lý chất thải

Sản phẩm	:	Không gây ô nhiễm ao hồ, sông ngòi, ruộng với hóa chất hoặc vật chứa đã sử dụng. Không bỏ chất thải vào cống rãnh. Ưu tiên tái chế nếu có thể hơn là đem hủy hoặc đốt. Nếu không thể tái chế thì xử lý theo quy định của địa phương.
Bao bì bị ô nhiễm	:	Làm sạch thuốc còn lại trong bao bì. Rửa ba lần đối với vật chứa. Vật chứa nên được đưa đến những nơi có chức năng tái chế hoặc xử lý chất thải. Không tái sử dụng vật chứa được làm sạch.

MỤC 14. THÔNG TIN VẬN TẢI

Vận tải đường bộ (ADR / RID)

14.1. Số UN	:	UN 3082
14.2. Tên đúng trên lô hàng xuất	:	CHẤT GÂY HẠI CHO MÔI TRƯỜNG, DẠNG LỎNG, KHÔNG TÊN GỌI KHÁC (S-metolachlor)
14.3. Loại giao thông vận tải nguy hiểm (es)	:	9
14.4. Nhóm đóng gói	:	III
Nhãn	:	9
14.5. Tác động môi trường	:	độc hại môi trường

Vận tải đường biển (IMDG)

14.1. Số UN	:	UN 3082
14.2. Tên đúng trên lô hàng xuất	:	CHẤT GÂY HẠI CHO MÔI TRƯỜNG, DẠNG LỎNG, KHÔNG TÊN GỌI KHÁC (S-metolachlor)

DUAL GOLD 960EC

Phiên bản 09

Ngày cập nhật: 23.11.2010

14.3. Loại giao thông vận tải nguy hiểm (es)	: 9
14.4. Nhóm đóng gói	: III
Nhãn	: 9
14.5. Tác động môi trường	: gây ô nhiễm biển

Vận tải hàng không (IATA DGR)

14.1. Số UN	: UN 3082
14.2. Tên đúng trên lô hàng xuất	: CHẤT GÂY HẠI CHO MÔI TRƯỜNG, DẠNG LỎNG, KHÔNG TÊN GỌI KHÁC (S-metolachlor)
14.3. Loại giao thông vận tải nguy hiểm (es)	: 9
14.4. Nhóm đóng gói	: III
Nhãn	: 9

MỤC 15. THÔNG TIN PHÁP LÝ

Dán nhãn theo quy định EC

Các thành phần nguy hại phải được liệt kê trên nhãn: S-metolachlor

Ký hiệu (s)	:Xi	Gây dị ứng
	N	Độc hại cho môi trường.
Cụm từ R	R43	Gây ra kích ứng khi tiếp xúc với da.
	R50/53	Rất độc cho sinh vật thủy sinh, có thể gây tác động bất lợi trong môi trường nước lâu dài.
Cụm từ -S	S 2	Để xa tầm tay trẻ em.
	S13	Tránh xa thực phẩm, đồ uống và thức ăn cho động vật.
	S20/21	Không ăn, uống hoặc hút thuốc trong khi sử dụng.
	S24	Tránh tiếp xúc với da
	S35	nguyên liệu và vật chất chứa nó cần phải được xử lý một cách an toàn.
	S37	Mang gang tay thích hợp
	S57	sử dụng vật chứa thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

DUAL GOLD 960EC

Phiên bản 09

Ngày cập nhật: 23.11.2010

MỤC 16. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin

Văn bản đầy đủ của nhóm từ R được gọi theo các mục 3:

R22	Có hại khi nuốt phải.
R41	Gây tổn thương nghiêm trọng cho mắt
R50/53	Rất độc cho sinh vật dưới nước, có thể gây ra tác dụng phụ lâu dài trong môi trường thủy sinh.
R51/53	Có hại cho sinh vật dưới nước, có thể gây ra tác dụng phụ lâu dài trong môi trường thủy sinh.
R65	Hại: có thể gây tổn thương cho phổi nếu nuốt phải
R66	Tiếp xúc lâu dài có thể gây khô và nứt da
R67	Có thể gây ra sự khó chịu và buồn ngủ

Các thông tin được cung cấp trên Bảng dữ liệu an toàn là chính xác tốt nhất của thông tin, kiến thức của chúng tôi và niềm tin ở ngày đăng Công báo. Các thông tin cung cấp được thiết kế chỉ như là một hướng dẫn để xử lý an toàn, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, xử lý, phát hành và không được xem xét bảo hành chất lượng đặc điểm kỹ thuật. Thông tin chỉ liên quan đến vật chất cụ thể và có thể không có giá trị vật, được sử dụng kết hợp với bất kỳ tài liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quá trình, trừ trường hợp quy định tại văn bản.

Thay đổi kể từ khi phiên bản cuối cùng được đánh dấu ở bên lề. Phiên bản này thay thế tất cả các phiên bản trước đó.

Tên sản phẩm là một nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Công ty Tập đoàn Syngenta.
